

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2022/DS-PT  
Ngày 29-8-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

Bà Lê Thị Bích Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 214/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đoan T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hà Thị N.

(Tất cả các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Đoan T trình bày như sau:*

Do chỗ làm ăn, quen biết nên vào ngày 09/12/2021, bà Hà Thị N có mượn của bà số tiền 160.000.000đồng. Bà N hứa đến ngày 16/12/2021 sẽ trả cho bà. Bà cho bà N mượn tiền, không tính lãi suất. Việc vay tiền này được lập giấy tay ngày 09/12/2021. Tuy nhiên, đến hết ngày 16/12/2021, bà N vẫn không trả tiền cho bà mà vẫn cố tình né tránh.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Hà Thị N có trách nhiệm trả cho bà số tiền đã vay 160.000.000đồng và tiền lãi suất trên tổng số tiền 160.000.000đồng, lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 17/12/2021 cho đến ngày 16/5/2022 là 13.192.000đồng, nhưng do bà N có kinh tế khó khăn nên bà chỉ yêu cầu bà N trả cho bà tiền lãi 5.000.000đồng. Như vậy, bà yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc 160.000.000đồng và tiền lãi 5.000.000đồng, tổng cộng 165.000.000đồng.

*Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Hà Thị N trình bày:* Do chỗ làm ăn, quen biết, bà có mượn của bà Trần Thị Đoan T số tiền gốc là 70.000.000đồng. Ngày 23/6/2021, do dịch bệnh nên bà không có tiền trả lãi cho bà T. Bà có hẹn bà T chờ kinh tế ổn định, bà sẽ trả hết số tiền 70.000.000đồng cho bà T. Ngày 10/12/2021, bà T cho người đến nhà ép bà ký giấy nợ 160.000.000đồng ngày 09/12/2021. Toàn bộ nội dung giấy nợ, chữ viết, chữ ký Hà Thị N đều do bà bị ép viết, ép ký. Tuy nhiên, bà không có chứng cứ gì chứng minh về việc bà bị ép viết, ép ký giấy nợ ngày 09/12/2021.

Nay bà T yêu cầu bà trả số tiền là 165.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 160.000.000đồng và 5.000.000đồng tiền lãi, tạm tính từ ngày 17/12/2021 cho đến ngày 16/5/2022, bà không đồng ý trả. Bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc đã mượn bà T là 70.000.000đồng và tiền lãi theo đúng quy định của pháp luật, tính từ ngày 17/12/2021 cho đến nay.

Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Trần Thị Đoan T phát biểu:

Việc bà N vay bà T số tiền 160.000.000đồng, thời hạn trả, lãi suất trả được thể hiện trong giấy mượn tiền ngày 09/12/2021. Bà N cho rằng bà T ép bà ký giấy nợ, tuy nhiên bà N không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Mặt khác, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466, Điều 468 BLDS 2015. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đoan T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Hà Thị N.

Buộc bà Hà Thị N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đoan T số tiền đã vay là 160.000.000đồng (Một trăm sáu chục triệu đồng) và tiền lãi là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Tổng cộng, bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 165.000.000đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị N phải chịu 8.250.000đồng, sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Trần Thị Đoan T số tiền 4.125.000đồng theo biên lai thu số 0009933 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 24/5/2022, bị đơn bà Hà Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà N phải trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N cho rằng bà ký giấy nợ là do bà bị ép buộc nên mới ký.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại cấp sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật Điều 70, Điều 71, Điều 72,

Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo: Giấy nợ ngày 09/12/2021 bà Hà Thị N có ký mượn bà Trần Thị Đoan T số tiền 160.000.000 đồng. Bà N cho rằng việc ký giấy nợ số tiền 160.000.000 đồng là do bà T cho người đến nhà ép bà ký, bà chỉ mượn bà T số tiền 70.000.000 đồng. Bà N khai có nhân chứng chứng minh việc bà bị ép buộc ký giấy nợ 160.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định thời hạn 10 ngày nhưng hết thời gian quy định bà không tìm được nhân chứng; suốt quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cũng như khi bà N kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm bà N cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Mặt khác, bà N trình bày chỉ mượn bà T 70.000.000 đồng bà cũng không cung cấp được giấy nợ, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả bà T số tiền vay 160.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị N đúng quy định tại các Điều 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị N: Bà N kháng cáo không đồng ý với bản án dân sự sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà T số tiền 160.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, bà Trần Thị Đoan T khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị N trả số tiền nợ vay 160.000.000đồng. Chứng cứ bà T cung cấp là giấy mượn tiền ngày 09/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N trình bày rằng chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ đều do bà viết và ký tên do đó có căn cứ xác định bà N có vay của bà T số tiền 160.000.000 đồng. Bà N cho rằng bà bị ép buộc nên mới ký tên vào giấy mượn tiền. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như khi bà N kháng cáo đến Tòa án cấp phúc thẩm bà không cung cấp chứng cứ chứng minh bà bị ép buộc, cấp sơ thẩm cũng đã ấn định thời gian để bà cung cấp chứng cứ nhưng bà trình bày không biết nên không cung cấp là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định bà N vay của bà T số tiền 160.000.000 đồng. Theo giấy mượn tiền ngày 09/12/2021 thời hạn vay 01 tuần, tức đến hết ngày 16/12/2021. Tuy nhiên, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền vay cho bà T là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, cần buộc bà N phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay 160.000.000đồng cho bà T.

Về tiền lãi: Bà T xác định chỉ yêu cầu bà N trả số tiền lãi 5.000.000đồng là có lợi cho bà N nên có căn cứ chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các phần khác của quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hà Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đoan T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Hà Thị N.

Buộc bà Hà Thị N có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đoan T số tiền đã vay là 160.000.000đồng (Một trăm sáu chục triệu đồng) và tiền lãi là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Tổng cộng, bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 165.000.000đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng chẵn).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị N phải chịu 8.250.000đồng, sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Trần Thị Đoan T số tiền 4.125.000đồng theo biên lai thu số 0009933 ngày 18/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị N phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 00006673 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà N đã nộp xong.

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Nhữn**